

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5943 /UBND-KT

Đồng Nai, ngày 21 tháng 6 năm 2017

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
91/2015/NĐ-CP

Kính gửi: Sở Tài chính.

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 7953/BTC-TCDN ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ (đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp nhà nước liên quan nghiên cứu, có ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, do Bộ Tài chính đề nghị theo nội dung tại Văn bản số 7953/BTC-TCDN ngày 15/6/2017 nêu trên.

Công việc hoàn thành báo cáo UBND tỉnh trước ngày 06/7/2017./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh -Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.
mpuong.kt

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Sĩ Lâm

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7953/BTC-TCDN
V/v lấy ý kiến tham gia đối với dự
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một
số Điều của Nghị định số
91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015
của Chính phủ

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
Số: 3075A	ĐẾN
Ngày: 20/6/17	
Chuyển:	

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới DNNN giai đoạn 2016 -2020, trong đó giao Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 643/QĐ-BTC ngày 11/4/2017, thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập để nghiên cứu, soạn thảo Nghị định; đến nay đã hoàn thành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và đã thực hiện đăng tải công khai trên website của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính xin gửi Quý cơ quan bản dự thảo Tờ trình Chính phủ kèm theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ (kèm theo).

Đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến để Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.

Ý kiến tham gia bằng văn bản xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp – 28 Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội) **trước ngày 10/7/2017.**

Xin trân trọng cảm ơn./. *luu*

Nơi nhận: *luu*

- Như trên;
- Cục TH và TKTC (để đăng tải website Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, Cục TCDN. (86b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Số: /2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2017

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp như sau:

1. Bổ sung khoản 7, khoản 8 vào Điều 4 như sau:

“ 7. Đấu giá công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bao gồm đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô.

- Đấu giá thông thường là cuộc đấu giá trong đó nhà đầu tư tham gia đấu giá không hạn chế số lượng đặt mua phần vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng tại cuộc đấu giá.

- Đấu giá theo lô là cuộc đấu giá trong đó nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua toàn bộ số lượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng tại cuộc đấu giá. Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện đấu giá theo lô theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Cuộc đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô)

không thành công bao gồm: khi hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá; không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm; chỉ có một nhà đầu tư trúng đấu giá nhưng từ chối không mua mà không có nhà đầu tư bỏ giá cao tiếp theo.”

2. Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 29. Chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước

1. Việc chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định sau:

a) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước phải gắn với đề án tái cơ cấu doanh nghiệp đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương; việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần không phải là phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng và không áp dụng quy định về điều kiện chào bán, đăng ký chào bán cổ phiếu đối với công ty đại chúng.

b) Bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng vốn dưới giá trị vốn đầu tư ghi trong sổ kế toán của doanh nghiệp nhà nước.

c) Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn do doanh nghiệp nhà nước lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm định giá; xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm cả giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Giá khởi điểm được xác định trước thời điểm Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty ký kết hợp đồng thuê tổ chức đấu giá chuyển nhượng vốn; việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối

đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn.

d) Việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác có liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.

đ) Khi chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại ngân hàng thương mại cổ phần, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện theo quy định của pháp luật về hoạt động của tổ chức tín dụng có liên quan đến thực hiện chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

e) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước xây dựng lộ trình chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài theo danh mục chuyển nhượng vốn đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trương, căn cứ tình hình tài chính của công ty cổ phần có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước, nhu cầu của thị trường, mục tiêu và điều kiện thực hiện chuyển nhượng vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xin ý kiến việc đấu giá công khai thông thường hoặc đấu giá theo lô trước khi tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn.

g) Doanh nghiệp nhà nước lựa chọn và ký hợp đồng thuê Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán (sau đây gọi là tổ chức đấu giá) để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài. Doanh nghiệp nhà nước và tổ chức đấu giá có trách nhiệm ban hành quy chế đấu giá cổ phần, hồ sơ tài liệu có liên quan đến thực hiện chuyển nhượng vốn; quy chế cho phiên đấu giá phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và bán đấu giá, quy định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn.

h) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước đã đầu tư ra ngoài tại các doanh nghiệp khác nhưng không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn hoặc phải chuyển nhượng vốn theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phát sinh quyền mua cổ phần (đối với công ty cổ phần) và quyền góp vốn (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của doanh nghiệp nhà nước cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định này.

i) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp của

doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp khác phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

k) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết những tồn tại vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn và phương thức thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn của doanh nghiệp nhà nước.

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên gắn với phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo đề án đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

b) Khi thực hiện chuyển nhượng vốn, trường hợp giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được sát với giá thị trường (giá đã được doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá xác định theo các quy định của pháp luật về thẩm định giá), nhưng vẫn thấp hơn giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp và trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện trích lập dự phòng thì xử lý như sau:

- Nếu khoản dự phòng đã trích lập bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá trị dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư.

- Nếu khoản dự phòng đã trích lập nhỏ hơn chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ghi trên sổ kế toán với giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) và quyết định việc chuyển nhượng trước khi thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư.

3. Phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài và chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ

phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định tương ứng tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 38 Nghị định này.

4. Nguyên tắc xử lý tài chính khi chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước.

Giá trị chuyển nhượng thu được cộng với khoản dự phòng đã trích, sau khi trừ giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán, chi phí chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định (nếu có), trường hợp số chênh lệch dương doanh nghiệp được hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính của doanh nghiệp, trường hợp số chênh lệch âm doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp.”

3. Khoản 3 Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Quyền, trách nhiệm, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 48, Điều 50 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ phải căn cứ ý kiến chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu sau khi đã lấy ý kiến của Bộ Tài chính và được Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản về phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên.”

4. Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 38. Chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Nguyên tắc chuyển nhượng vốn nhà nước:

a) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước phải theo danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp theo từng giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần không phải là chào bán thêm cổ phần (phát hành thêm cổ phiếu) ra công chúng và không áp dụng quy định về điều kiện chào bán, đăng ký chào bán cổ phiếu đối với công ty đại chúng.

b) Bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn nhà nước đầu tư ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng vốn dưới mệnh giá.

c) Việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan chức năng được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản (sau đây gọi là cơ quan đại diện chủ sở hữu) lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm định giá; xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước đầu tư bao gồm cả giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Giá khởi điểm được xác định trước thời điểm cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn ký kết hợp đồng thuê tổ chức đấu giá thực hiện chuyển nhượng vốn; việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn.

d) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước có liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.

đ) Khi chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại các ngân hàng thương mại cổ phần, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước phải thực hiện công khai thông tin đầy đủ về các điều kiện theo quy định của pháp luật về hoạt động của tổ chức tín dụng có liên quan đến thực hiện chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

e) Cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức đấu giá để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước.

g) Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chi phí có liên quan đến chuyển nhượng vốn nhà nước (bao gồm chi phí thẩm định giá, tổ chức đấu giá và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động chuyển nhượng vốn). Các chi phí này được trừ vào tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước. Trường hợp việc chuyển nhượng vốn nhà nước không thành công hoặc tiền thu chuyển nhượng vốn không đủ để bù đắp chi phí chuyển nhượng vốn thì được sử dụng tiền từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp để bù đắp phần còn thiếu chi phí chuyển nhượng vốn.

h) Nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Việc mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến mua cổ phần, phần vốn góp của nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

i) Cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết những tồn tại vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn nước theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn nhà nước:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn trong từng giai đoạn, trên cơ sở tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu xây dựng lộ trình và quyết định tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Các trường hợp chuyển nhượng cụ thể theo quy định của Luật doanh nghiệp như sau:

a) Trường hợp chuyển nhượng vốn theo quy định tại Điều 52 Luật Doanh nghiệp năm 2014 (yêu cầu công ty mua lại vốn góp của nhà nước trong công ty) thì giá chuyển nhượng cho công ty là giá thỏa thuận theo giá thị trường; việc xác định giá bán thỏa thuận trên cơ sở kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều này.

Trường hợp công ty không thống nhất được giá mua lại phần vốn nhà nước góp thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước được quyền chuyển nhượng cho các thành viên khác trong công ty hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty theo phương thức chuyển nhượng đối với việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

b) Trừ trường hợp sau khi yêu cầu công ty mua lại vốn góp nhà nước nhưng công ty không mua, cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định tại Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 2014, trong đó:

- Nếu chuyển nhượng cho các thành viên khác trong công ty theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong công ty thì giá chuyển nhượng cho các thành viên khác theo giá thỏa thuận sát với giá thị trường. Việc xác định giá bán thỏa thuận trên cơ sở kết quả thẩm định giá theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

- Nếu chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên trong công ty (sau khi các thành viên trong công ty không mua hoặc mua không hết) thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước thực hiện theo phương thức chuyển nhượng tương tự quy định đối với chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần:

a) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán bao gồm số lượng cổ phần thuộc vốn nhà nước đã lưu ký chứng khoán và số lượng cổ phần thuộc vốn nhà nước chưa lưu ký chứng khoán.

- Đối với cổ phần thuộc vốn nhà nước đã lưu ký chứng khoán thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện theo phương thức khớp lệnh, thỏa thuận trên hệ thống giao dịch hoặc tổ chức bán đấu giá công khai ngoài hệ thống giao dịch.

- Đối với cổ phần thuộc vốn nhà nước chưa lưu ký chứng khoán thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện theo phương thức thỏa thuận hoặc bán đấu giá công khai ngoài hệ thống giao dịch.

- Trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức thỏa thuận, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước quyết định giá bán thỏa thuận sát với giá thị trường trên cơ sở giá khởi điểm do tổ chức có chức năng thẩm định giá theo các nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

- Trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức bán đấu giá, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định giá khởi điểm và thực hiện các nội dung thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều này.

- Các quy định về thủ tục và việc công bố thông tin trước khi bán thỏa thuận hoặc bán đấu giá cổ phần vốn nhà nước ngoài hệ thống giao dịch và chuyển quyền sở hữu đối với phần vốn nhà nước đã được chuyển nhượng sang các tổ chức, cá nhân khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quản lý thị trường chứng khoán.

b) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Các phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán:

a) Phương thức đấu giá công khai:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ tình hình tài chính của công ty cổ phần có vốn góp nhà nước, nhu cầu của thị trường, mục tiêu và điều kiện chuyển nhượng vốn, lựa chọn phương thức đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô trước khi tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức đấu giá để thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước. Cơ quan đại diện chủ sở hữu và tổ chức đấu giá có trách nhiệm ban hành quy chế đấu giá cổ phần, hồ sơ tài liệu có liên quan đến thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước; quy chế cho phiên đấu giá phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và bán đấu giá, quy định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước.

- Việc đấu giá công khai chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 (hai) nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ tham gia phiên đấu giá và đặt tiền đặt cọc theo quy định tại quy chế đấu giá.

- Địa điểm đấu giá: Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp có vốn nhà nước chuyển nhượng hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và tổ chức đấu giá.

- Việc xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

- Nguyên tắc xác định kết quả trúng đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước:

Kết quả trúng đấu giá được xác định theo nguyên tắc lựa chọn giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng cổ phần thuộc vốn nhà nước cần chuyển nhượng nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

Trường hợp tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, có nhiều nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Số cổ phần} & & \text{Số cổ} & & \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư} \\ \text{n nhà đầu tư} & & \text{phần} & & \text{đăng ký mua giá bằng nhau} \\ \text{được mua} & = & \text{còn lại} & \times & \hline & & \text{chào bán} & & \text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư} \\ & & & & \text{đăng ký mua giá bằng nhau} \end{array}$$

Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành. Số cổ phần vượt quá tỷ lệ quy định (nếu có) được phân phối cho nhà đầu tư còn lại theo công thức trên.

- Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn thì thực hiện chào bán cạnh tranh.

b) Phương thức chào bán cạnh tranh:

- Chào bán cạnh tranh là phương thức chào bán cạnh tranh về giá để tiếp tục thực hiện bán hết số lượng cổ phần tương ứng với số vốn nhà nước góp tại công ty cổ phần cần chuyển nhượng (sau khi đã bán đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng không bán hết số lượng cổ phần chào bán).

- Việc chào bán cạnh tranh chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 (hai) nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ tham gia phiên chào bán cạnh tranh và đặt tiền đặt cọc theo quy định tại quy chế phiên chào bán cạnh tranh và có tổng số lượng cổ phần đăng ký mua của các nhà đầu tư tối thiểu bằng số lượng cổ phần cần bán; trường hợp hết thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tham gia phiên chào bán cạnh tranh

mà tổng số lượng cổ phần đăng ký mua của các nhà đầu tư thấp hơn tổng số lượng cổ phần cần bán thì không thực hiện cuộc chào bán cạnh tranh.

- Nhà đầu tư tham gia chào bán cạnh tranh được chia tổng số cổ phần đăng ký mua thành nhiều phần số lượng cổ phần (tối thiểu là ba phần) để đặt giá mua khác nhau. Tương ứng với mỗi phần số lượng cổ phần được chia ra từ tổng số cổ phần đặt mua, nhà đầu tư được đăng ký tối đa 03 (ba) mức giá đặt mua, nhưng không được thấp hơn mức giá khởi điểm. Bội số của các mức giá đặt mua do chủ sở hữu có vốn chuyển nhượng quy định cho phù hợp với từng phiên chào bán cạnh tranh và được ghi cụ thể trong quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

- Việc thuê dịch vụ và tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh, xác định giá khởi điểm, nguyên tắc xác định kết quả chào bán cạnh tranh thực hiện theo quy định tương ứng đối với phương thức đấu giá công khai tại điểm a khoản 5 Điều này.

- Phương thức chào bán cạnh tranh không thành công khi không có nhà đầu tư hoặc chỉ có 01 (một) nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ tham gia phiên chào bán cạnh tranh (kể cả trường hợp nhà đầu tư này đăng ký mua toàn bộ số lượng cổ phần chào bán) hoặc có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên nộp hồ sơ tham gia phiên chào bán cạnh tranh nhưng tổng số lượng cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua không bằng tổng số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn.

- Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

c) Phương thức thỏa thuận:

- Phương thức thỏa thuận là phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công trong trường hợp chỉ có 01 (một) nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ tham gia. Phương thức thỏa thuận không áp dụng đối với trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công khi có nhiều nhà đầu tư đăng ký tham gia phiên chào bán cạnh tranh nhưng không đăng ký mua hết số lượng cổ phần cần bán.

- Giá bán thỏa thuận trên cơ sở giá được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

- Khi chuyển nhượng vốn theo phương thức thỏa thuận trực tiếp thì người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp trong đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi,

mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước chuyển nhượng và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

d) Sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn nêu trên nhưng vẫn không chuyển nhượng hết vốn nhà nước cần chuyển nhượng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước căn cứ nhu cầu thị trường lựa chọn thời điểm để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức đấu giá hoặc chào bán cạnh tranh. Trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận phải báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện bằng văn bản.

6. Thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn

Trường hợp vốn nhà nước đã đầu tư tại các doanh nghiệp không thuộc ngành, lĩnh vực nhà nước cần tiếp tục đầu tư thêm vốn hoặc phải chuyển nhượng vốn theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành phát sinh quyền được mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá công khai quyền mua cổ phần, quyền góp vốn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng trong đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp mà nhà nước có quyền mua cổ phần, quyền góp vốn và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

7. Báo cáo thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước:

Trong thời gian tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi quý, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính kết quả chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để theo dõi, tổng hợp báo cáo Thủ tướng, Chính phủ, Quốc hội theo quy định."

Điều 2.

Bãi bỏ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

2. Nghị định này bãi bỏ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước; Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về bán cổ phần theo lô và các quy định do các Bộ, Cơ quan ngang bộ ban hành trái với quy định tại Nghị định này.

3. Các doanh nghiệp nhà nước được trích lập Quỹ đặc thù từ lợi nhuận sau thuế, đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu vẫn còn số tiền dư Quỹ thì để lại doanh nghiệp tiếp tục sử dụng theo mục đích đã quy định.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trại lý của TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

*Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2017***TỜ TRÌNH**

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP) trình Chính phủ ban hành trong Quý II/2017. Bộ Tài chính xin trình Chính phủ những nội dung chính của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Kết quả đạt được:

Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015). Để hướng dẫn thi hành các quy định tại Luật số 69/2014/QH13 nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2015).

Sau khi ban hành và đi vào thực tiễn trong khoảng thời gian hơn 01 năm, các quy định tại Nghị định đã đáp ứng yêu cầu hướng dẫn thi hành Luật số 69/2014/QH13, trong đó đã quy định chi tiết các nội dung Luật giao Chính phủ hướng dẫn, cụ thể: (i) việc đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp và cơ chế đặt hàng của Nhà nước đối với doanh nghiệp có chức năng hỗ trợ điều tiết

kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội của đất nước; (ii) trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp; (iii) tiêu chí đánh giá hiệu quả, trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động; (iv) việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; (v) trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp; (vi) việc thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (vii) việc quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Về cơ bản, các quy định hiện hành tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã phù hợp với quy định của các luật mới ban hành, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, đồng thời đã khắc phục được một số quy định còn thiếu, chưa chặt chẽ của chính sách trong việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp nhà nước (sau đây viết tắt là DNNN), phân định được quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp.

b) Vương mắc:

Trên thực tế thời gian qua, quá trình triển khai thực hiện quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP còn phát sinh một số vướng mắc chủ yếu đối với quy định trong việc thoái vốn nhà nước và vốn của DNNN đã đầu tư tại doanh nghiệp khác; ngoài ra một số cơ quan, đơn vị như: Kiểm toán Nhà nước (tại công văn số 382/KTNN-TH ngày 01/9/2016), Bộ Tư pháp (tại Báo cáo số 64/BC-BTP ngày 03/3/2017), Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (tại Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 13/7/2016 của Văn phòng Chính phủ) cũng có ý kiến đề nghị bổ sung quy định hiện hành liên quan đến thoái vốn nhà nước/vốn của DNNN tại công ty cổ phần. Trong đó, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị của các cơ quan tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

- Nhóm kiến nghị liên quan đến quy định về chuyển nhượng vốn gồm: (i) mở rộng thêm các phương thức thoái vốn khác (ngoài phương thức khớp lệnh, thỏa thuận trên sàn) như: cơ chế đấu giá thông thường hoặc bán cả lô toàn bộ vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp tại công ty đại chúng niêm yết nhưng không thấp hơn biên độ giá giao dịch tại thời điểm bán; (ii) bổ sung quy định về việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn nhà nước trước khi tổ chức bán theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn niêm yết nhằm phản ánh đúng giá trị thực của doanh nghiệp và chỉ thực hiện thoái vốn khi giá thị trường cao hơn giá khởi điểm.

- Nhóm các kiến nghị về đầu tư vốn và thoái vốn có liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất gồm: (i) tính giá trị lợi thế quyền thuê đất nhà nước vào giá

trị khởi điểm bảo đảm tính đầy đủ giá trị lợi thế của doanh nghiệp; (ii) bổ sung quy định về việc không góp vốn đầu tư vào lĩnh vực bất động sản bao gồm cả trường hợp không được góp vốn bằng giá trị thương quyền sử dụng đất (giá trị lợi thế quyền thuê đất Nhà nước).

- Một số nội dung kiến nghị khác: (i) bổ sung quy định về thanh toán chi phí chuyển nhượng vốn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đối với trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên nhưng không thành công; (ii) bổ sung quy định cụ thể hơn về phương thức thực hiện thoái vốn nhà nước/vốn của DNNN tại các công ty cổ phần giữa các phương thức (bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, bán thỏa thuận); (iii) bổ quy định trích lập Quỹ đặc thù từ nguồn lợi nhuận sau thuế; (iv) bổ sung quy định khi nhà nước thoái vốn tại công ty cổ phần thì ưu tiên bán cho người lao động đang làm việc tại công ty cổ phần trước theo khả năng tài chính của người lao động. Giá bán cổ phần nhà nước thoái vốn cho người lao động theo giá thị trường hoặc theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp người lao động không mua hoặc không mua hết thì thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác.

2. Sự cần thiết xây dựng Nghị định

Tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP theo hướng mở rộng thêm các phương thức thoái vốn tại công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu.

Tại Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Trong đó, nghiên cứu, quy định phương thức thoái vốn phù hợp với tình hình thị trường và thực tế hoạt động của doanh nghiệp như: Đấu giá bán cả lô toàn bộ phần vốn nhà nước; bổ sung quy định việc xác định giá khởi điểm khi tổ chức bán phần vốn nhà nước theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán.

Xuất phát từ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực tiễn vướng mắc trong quá trình thực hiện thoái vốn nhà nước/vốn của DNNN tại doanh nghiệp nêu trên, việc rà soát, nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP là cần thiết để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thúc đẩy quá trình tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN.

2. Nguyên tắc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung:

Nghị định số 91/2015/NĐ-CP là văn bản quy định chế độ tài chính về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp

và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước (quy định hướng dẫn thi hành Luật số 69/2014/QH13); khi doanh nghiệp tham gia vào thị trường, các hoạt động của doanh nghiệp ngoài việc tuân thủ chế độ về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp, doanh nghiệp còn phải thực hiện các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực, chuyên ngành có liên quan (như Luật Doanh nghiệp, các pháp luật về thuế, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Đấu giá tài sản...). Do vậy nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Các kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP phải trên cơ sở căn cứ quy định của Luật số 69/2014/QH13 và theo đúng chức năng quản lý vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước; phù hợp với thực tiễn đầu tư vốn của nhà nước tại doanh nghiệp và đầu tư vốn của DNNN tại doanh nghiệp khác hiện nay.

b) Các kiến nghị sửa đổi, bổ sung nếu không thuộc chức năng của pháp luật về quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp nhà nước và các vướng mắc phát sinh do quy định tại các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực, chuyên ngành khác như: Luật Doanh nghiệp, các Luật thuế, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Đấu giá tài sản... thì đưa vào các văn bản pháp luật quy định thuộc lĩnh vực, chuyên ngành đó để xử lý, điều chỉnh hoạt động cụ thể có liên quan của doanh nghiệp.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Ngày 11/4/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 643/QĐ-BTC về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Ngày.../6/2017, Bộ Tài chính đã thực hiện đăng tải công khai trên website của Chính phủ và của Bộ Tài chính; đồng thời gửi xin ý kiến bằng văn bản của các Bộ, địa phương có số lượng DNNN còn nhiều như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, UBND thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Hà Nội, UBND thành phố Hải Phòng..., một số Tập đoàn, Tổng công ty có quy mô hoạt động kinh doanh, giá trị tài sản, nguồn vốn lớn như Tập đoàn Điện lực VN, Tập đoàn Dầu khí VN, Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN, Tập đoàn Viễn thông quân đội, Tập đoàn CP Xăng dầu VN, Tập đoàn CP Dệt may VN, Tổng công ty CP Hàng không, Tổng công ty CP Cảng hàng không...(công văn số..... ngày... /6/2017).

III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị của các cơ quan, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, kết cấu dự thảo Nghị định gồm 03 Điều với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Các quy định liên quan đến việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác:

1.1. Quy định về nguyên tắc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại doanh nghiệp khác:

a) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước phải đúng tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục DNNN thực hiện sắp xếp theo giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành; không thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được Nhà nước đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước quy định tại Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; chuyển nhượng vốn DNNN đầu tư ra ngoài phải gắn với đề án tái cơ cấu DNNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trên cơ sở đề án tái cơ cấu DNNN chung do Thủ tướng Chính phủ ban hành trong từng giai đoạn (hiện tại là Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020).

b) Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2014, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN thông qua bán cổ phần do mình sở hữu không làm tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước/DNNN, đồng thời để đẩy nhanh quá trình chuyển nhượng vốn theo kế hoạch tái cơ cấu lại vốn nhà nước/vốn của DNNN, tại dự thảo Nghị định bổ sung quy định nguyên tắc: việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại công ty cổ phần không phải là chào bán thêm cổ phần ra công chúng và không áp dụng quy định về điều kiện chào bán, đăng ký chào bán chứng khoán (cổ phiếu) đối với công ty đại chúng.

c) Căn cứ quy định tại pháp luật về các tổ chức tín dụng liên quan đến thực hiện chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và quy định về việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác tại Luật số 69/2014/QH13, giải quyết vướng mắc của nhiều DNNN/cơ quan đại diện chủ sở hữu hiện đang gặp khó khăn, không thực hiện được thoái vốn đầu tư tại các ngân hàng thương mại theo chủ trương/đề án đã được phê duyệt nhưng vẫn đảm bảo tính công khai, minh bạch về thông tin khi chuyển nhượng vốn, tại dự thảo Nghị định bổ sung quy định nguyên tắc theo hướng như sau: Khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này, đối với người nhận chuyển nhượng trước

khi trở thành người sở hữu phần vốn nhà nước/vốn của DNNN chuyển nhượng tại các ngân hàng thương mại cổ phần phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Chủ sở hữu có vốn chuyển nhượng chịu trách nhiệm công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng cho nhà đầu tư biết khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

d) Để phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, minh bạch thông tin, thống nhất khi ban hành quy chế đấu giá thực hiện chuyển nhượng vốn, dự thảo Nghị định bổ sung quy định: Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp khi cơ quan đại diện chủ sở hữu/ DNNN thực hiện chuyển nhượng vốn phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Dự thảo Nghị định bổ sung quy định nguyên tắc về trách nhiệm của Hội đồng thành viên của DNNN và cơ quan đại diện chủ sở hữu theo hướng: Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của DNNN, cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết những tồn tại vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn nước theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2. Quy định về xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác:

Để phù hợp với quy định về nguyên tắc chuyển nhượng vốn của Luật số 69/2014/QH13 (đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch); phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 (giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định) và đảm bảo giá trị thu hồi vốn cao nhất, phản ánh đúng giá trị thực tế của vốn đầu tư, Bộ Tài chính đề nghị sửa đổi quy định về việc xác định giá khởi điểm đấu giá chuyển nhượng vốn tại dự thảo Nghị định (so với quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP thì tính thêm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê vào giá khởi điểm vì người sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê có các quyền đầy đủ như đất giao theo quy định của pháp luật về đất đai), nội dung sửa đổi cụ thể như sau:

+ Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn được thực hiện thông qua doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật

về thẩm định giá, đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước/của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác bao gồm cả giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao, quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

+ Việc sử dụng giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn.

1.3. Quy định về phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác:

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017 và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017, quá trình rà soát các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến chuyển nhượng vốn và thực tiễn quá trình thoái vốn nhà nước/vốn của DNNN tại các doanh nghiệp khác, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Nghị định quy định mới theo tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 04/CT-TTg và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ nêu trên để phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo nguyên tắc hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, chính sách phát triển thị trường chứng khoán. Theo đó, Bộ Tài chính đã nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung đã quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP theo hướng như sau:

a) Đối với chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn DNNN tại công ty cổ phần đã niêm yết cổ phiếu hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (sửa đổi khoản 4 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP)

Căn cứ vào tình hình thực tế, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được phân thành 02 trường hợp, cụ thể:

- Đối với cổ phần thuộc vốn nhà nước/vốn của DNNN đã lưu ký chứng khoán thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện theo phương thức khớp lệnh, thỏa thuận trên hệ thống giao dịch hoặc tổ chức bán đấu giá công khai ngoài hệ thống giao dịch.

- Đối với cổ phần thuộc vốn nhà nước/vốn của DNNN chưa lưu ký chứng khoán thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện theo phương thức thỏa thuận hoặc bán đấu giá công khai ngoài hệ thống giao dịch.

- Quy trình thực hiện bán thỏa thuận, bán đấu giá cổ phần thuộc vốn nhà nước/vốn của DNNN thực hiện tương tự quy định áp dụng đối với việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán theo phương thức đấu giá, phương thức thỏa thuận.

- Các quy định về thủ tục và việc công bố thông tin trước khi bán thỏa thuận hoặc bán đấu giá cổ phần vốn nhà nước/vốn của DNNN ngoài hệ thống giao dịch và chuyển quyền sở hữu đối với phần vốn nhà nước/vốn của DNNN đã được chuyển nhượng sang các tổ chức, cá nhân khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quản lý thị trường chứng khoán.

b) Đối với chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn DNNN tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Theo quy định tại Điều 21 và Điều 39 của Luật số 69/2014/QH13 thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được thực hiện thông qua 03 bước bán cổ phần do nhà nước/doanh nghiệp nhà nước sở hữu như sau: Bán đấu giá công khai (bước 1), trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh (bước 2), trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận (bước 3).

Trên cơ sở quy định của Luật số 69/2014/QH13 và thực tế các văn pháp luật đã ban hành như Luật Doanh nghiệp, văn bản phạm pháp luật khác hiện hành có liên quan đến quản lý công ty cổ phần, chưa có quy định về chào bán cạnh tranh cổ phần. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quy định nêu trên của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP phát sinh một số kiến nghị của DNNN và cơ quan đại diện chủ sở hữu cho rằng bán cổ phần theo phương thức đấu giá công khai và bán đấu giá theo lô đều là bán đấu giá cổ phần, không coi bán đấu giá theo lô là bước chào bán cạnh tranh và đề nghị trong bước 1 (bán đấu giá công khai) bao gồm cả bán đấu giá theo lô.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, các cơ quan đại diện chủ sở hữu và các DNNN, nhằm hoàn thiện theo hướng mở rộng các phương thức chuyển nhượng vốn thông qua bán cổ phần tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 38 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán theo hướng như sau:

(i) **Phương thức đấu giá công khai** bao gồm đấu giá thông thường (nhà đầu tư tham gia đấu giá không bị hạn chế số lượng đặt mua phần vốn nhà nước/vốn của DNNN chuyển nhượng tại cuộc đấu giá) và đấu giá theo lô (nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua toàn bộ số lượng vốn nhà nước/vốn của DNNN chuyển nhượng tại cuộc đấu giá).

- Theo Luật số 69/2014/QH13 quy định việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn DNNN đầu tư tại các công ty cổ phần chưa niêm yết cổ phiếu/chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán phải thực hiện đấu giá; mặt khác, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN thực chất là bán tài sản vô hình/tài sản tài chính thông qua bán cổ phần do mình sở hữu (không phải là bán chứng khoán - cổ phiếu đã niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán).

- Vừa qua, Quốc hội đã ban hành Luật Đấu giá tài sản (Luật số 01/2016/QH14) và có hiệu lực từ ngày 1/7/2017, Luật này quy định tài sản bán đấu giá bao gồm các tài sản hữu hình và tài sản vô hình (như quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản, quyền sử dụng tần số vô tuyến điện quyền sử dụng, quyền sở hữu rừng, tài sản nợ xấu, tài sản khác mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá); Luật cũng cho phép thành lập các doanh nghiệp làm dịch vụ đấu giá chuyên nghiệp và quy định rõ ràng trình tự, thủ tục đấu giá, hình thức, phương thức đấu giá, các trường hợp đấu giá không thành công phù hợp với từng loại tài sản bán đấu giá.

Trên thực tế, hầu hết tất cả các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đều có các trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện nhiệm vụ tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; ngoài ra theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (kể từ khi thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 4/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản đến nay), có nhiều doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật thực hiện chức năng chuyên nghiệp bán đấu giá tài sản. Mặt khác, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại các công ty cổ phần chưa niêm yết cổ phiếu/chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thông qua bán cổ phần do mình sở hữu được thực hiện tại các tổ chức có chức năng đấu giá chuyên nghiệp tại các địa phương sẽ thuận lợi, tiết kiệm được chi phí và thời gian, góp phần đảm bảo tiến độ thoái vốn (do quá trình tổ chức đấu giá, địa phương, doanh nghiệp ở xa không phải di chuyển, đi lại và tập trung về hai trung tâm giao dịch chứng khoán đăng ký hồ sơ, chờ thời gian thực hiện như quy định hiện nay tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP); đồng thời tăng cường tính cạnh tranh, hạn chế độc quyền của cơ chế thị trường giữa các doanh nghiệp có cùng chức năng đấu giá tài sản, giảm chi phí chuyển nhượng cho chủ sở hữu có vốn chuyển nhượng.

Căn cứ quy định của pháp luật và thực tế nêu trên, để việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN thông qua bán đấu giá công khai cổ phần được thực hiện thống nhất, đúng chức năng, chuyên nghiệp hóa trong quá trình thực hiện đấu giá, tiết kiệm chi phí, thời gian đảm bảo tiến độ thoái vốn (đối với các địa phương, doanh nghiệp ở xa trung tâm giao dịch chứng khoán) và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn DNNN thông qua bán đấu giá công khai cổ phần do nhà nước/DNNN sở hữu tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP theo hướng:

* Cơ quan đại diện chủ sở hữu/DNNN ký hợp đồng thuê trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp có chức năng đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán (sau đây gọi là tổ chức đấu giá) để thực hiện bán cổ phần do mình sở hữu, chuyển nhượng vốn đã đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán theo phương thức đấu giá công khai.

* Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp cổ phần hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của chủ sở hữu có vốn chuyển nhượng và tổ chức đấu giá.

* Cơ quan đại diện chủ sở hữu và tổ chức đấu giá có trách nhiệm ban hành quy chế đấu giá cổ phần, hồ sơ đấu giá để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN; quy chế áp dụng cho phiên đấu giá phải đảm bảo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, tuân thủ quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại tài sản chuyển nhượng - vốn đầu tư tại doanh nghiệp; quy định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN.

* Trường hợp đấu giá công khai không thành công, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán chuyển sang thực hiện theo phương thức chào bán cạnh tranh (không thực hiện đấu giá lại).

(ii) Về phương thức chào bán cạnh tranh

Quy định hiện hành về bán cổ phần, chuyển nhượng cổ phần của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản có liên quan đến quản lý công ty cổ phần, không có quy định phương thức chào bán cạnh tranh cổ phần. Trên cơ sở tuân thủ quy định về nguyên tắc chuyển nhượng vốn của Luật số 69/2014/QH13 là thị trường, công khai, minh bạch và thực hiện mục tiêu thu hút nhà đầu tư tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khi thực hiện cơ cấu

lại vốn nhà nước/vốn của DNNN theo kế hoạch/lộ trình của nhà nước/DNNN; Bộ Tài chính trình Chính phủ một số nội dung quy định về phương thức chào bán cạnh tranh trong dự thảo Nghị định như sau:

- Chào bán cạnh tranh là phương thức chào bán cạnh tranh về giá nhằm tìm kiếm nhà đầu tư để thực hiện mục tiêu bán hết số lượng cổ phần tương ứng với số vốn đã đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, sau khi đã thực hiện phương thức bán đấu giá công khai (bao gồm cả đấu giá theo lô) nhưng không thành công hoặc không bán hết số lượng cổ phần cần bán.

- Việc chào bán cạnh tranh chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 (hai) nhà đầu tư đăng ký tham gia phiên chào bán cạnh tranh và có tổng số lượng cổ phần đăng ký mua của các nhà đầu tư tối thiểu bằng số lượng cổ phần chào bán.

- Để khuyến khích có nhiều nhà đầu tư tham gia chào bán cạnh tranh và có nhiều khả năng trúng giá hơn, số lượng cổ phần cần bán có khả năng bán hết, dự thảo nghị định quy định: Nhà đầu tư tham gia chào bán cạnh tranh được chia tổng số cổ phần đăng ký mua thành các phần số lượng cổ phần (tối thiểu là ba phần) để đặt giá mua khác nhau. Tương ứng với mỗi phần số lượng cổ phần được chia ra từ tổng số cổ phần đặt mua, nhà đầu tư được đăng ký tối đa 03 (ba) mức giá đặt mua, nhưng không được thấp hơn mức giá khởi điểm.

- Việc tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh, nguyên tắc xác định giá khởi điểm, kết quả chào bán cạnh tranh thực hiện theo quy định đối với phương thức đấu giá công khai.

- Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

(iii) Phương thức thỏa thuận

- Phương thức thỏa thuận là phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công trong trường hợp chỉ có 01 (một) nhà đầu tư nộp hồ sơ tham gia. Phương thức thỏa thuận không áp dụng đối với trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công khi có nhiều nhà đầu tư đăng ký tham gia phiên chào bán cạnh tranh nhưng không đăng ký mua hết số lượng cổ phần cần bán.

Ngoài ra, tại dự thảo Nghị định bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp sau khi đã thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN theo các phương thức nêu trên (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) mà vẫn còn cổ phần chưa bán hết thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/DNNN căn cứ vào nhu cầu thị trường lựa chọn thời điểm để tiếp tục bán cổ phần theo phương

thức đấu giá hoặc chào bán cạnh tranh. Trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận phải báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện bằng văn bản (tương tự như quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ).

c) Quy định đối với việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn:

Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định rõ việc thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn theo phương thức đấu giá công khai hoặc phương thức thỏa thuận trực tiếp (trong trường hợp thời gian cho phép cổ đông, thành viên góp vốn thực hiện quyền mua cổ phần, quyền góp vốn theo phương án phát hành của doanh nghiệp phát hành ngắn, không đủ để tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng).

2. Một số nội dung khác:

2.1. Về quy định sử dụng lợi nhuận sau thuế TNDN để trích Quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có):

Trước đây, việc quy định về phân phối lợi nhuận tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ cho phép DNNN được trích lập Quỹ đặc thù theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có) để phù hợp với thực tế đã phát sinh một số Tập đoàn kinh tế được cho phép sử dụng lợi nhuận sau thuế để trích lập Quỹ này theo tỷ lệ nhất định. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan và ý kiến của một số Đại biểu Quốc hội, đối chiếu thống nhất với quy định tại Điều 34 Luật số 69/2014/QH13, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ quy định DNNN được trích lập Quỹ đặc thù theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có) tại điểm a Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và bổ sung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP quy định: Việc xử lý số tiền dư Quỹ đặc thù của các DNNN đã thực hiện trích lập Quỹ đặc thù từ nguồn lợi nhuận sau thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được xử lý theo hướng DNNN được tiếp tục sử dụng số tiền dư Quỹ theo mục đích đã quy định.

2.2. Về xử lý chi phí chuyển nhượng khi không bán được:

a) Đối với việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác

Tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP mới chỉ quy định tiền thu từ việc chuyển nhượng vốn nhà nước sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc chuyển nhượng được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế vừa qua còn có những trường hợp cơ quan

đại diện chủ sở hữu thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp nhưng không bán được mà vẫn phát sinh chi phí thuê tư vấn thoái vốn, không có nguồn để chi trả hoặc trường hợp bán được nhưng tiền thu được không đủ bù đắp chi phí.

Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định đối với trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước không thành công hoặc tiền thu chuyển nhượng vốn nhà nước không đủ để bù đắp chi phí chuyển nhượng vốn thì được sử dụng tiền từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp để bù đắp phần còn thiếu chi phí chuyển nhượng vốn.

b) Đối với việc chuyển nhượng vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác:

Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng xử lý như sau: giá trị chuyển nhượng thu được cộng với khoản dự phòng đã trích, sau khi trừ giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán, chi phí chuyển nhượng và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định (nếu có), trường hợp số chênh lệch dương doanh nghiệp được hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính của doanh nghiệp, trường hợp số chênh lệch âm doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

2.3. Quy định về trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước trong việc thu cổ tức, lợi nhuận được chia vào Ngân sách nhà nước:

Theo quy định tại các Điều 56, 69, 132, 135, 136 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 48 Luật số 69/2014/QH13, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ chưa có quy định cụ thể, bắt buộc người đại diện vốn nhà nước trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về các vấn đề phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp phải thống nhất ý kiến với cơ quan tài chính; thực tế điều hành thời gian qua, trước khi người đại diện vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp (như Tập đoàn Xăng dầu, TCT Hàng không, Cảng hàng không, Habeco, Sabeco...) tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về vấn đề phân phối lợi nhuận, người đại diện vốn phải báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu (chưa có sự thống nhất với cơ quan tài chính).

Theo đó, để tăng cường xử lý trách nhiệm thu vào ngân sách nhà nước phần cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước, tránh trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định để lại doanh nghiệp và điều chỉnh tăng vốn điều lệ, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung tại dự thảo Nghị

định quy định như sau: Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước phải báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu và sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu đã thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (tương tự quy định đối với người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp là ngân hàng thương mại cổ phần tại Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ và thực tế điều hành việc này của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp cổ phần thời gian qua).

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG KIẾN NGHỊ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 91/2015/NĐ-CP BỘ TÀI CHÍNH KHÔNG ĐƯA VÀO NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 91/2015/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

1. Đối với các kiến nghị về đầu tư vốn và thoái vốn có liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất:

1.1. Đề nghị tính giá trị lợi thế quyền thuê đất nhà nước vào giá khởi điểm bảo đảm tính đầy đủ giá trị lợi thế của doanh nghiệp

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP quy định: Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn nhà nước/vốn của DNNN trước khi tổ chức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận để chuyển nhượng vốn, được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

- Theo các quy định của Luật Đất đai năm 2013 (Điều 112, Khoản 4 Điều 114), hướng dẫn thi hành tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Điều 11, Điều 15) và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Điều 4) thì:

+ Việc quy định nguyên tắc xác định giá khởi điểm khi thực hiện bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận vốn nhà nước/vốn của DNNN thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP là phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật số 69/2014/QH13 (nguyên tắc thị trường).

+ Khi nhà nước định giá đất để cho doanh nghiệp thuê đất phải đảm bảo nguyên tắc theo giá đất phổ biến trên thị trường.

Riêng đối với đất ở tại đô thị; đất thương mại, dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị có khả năng sinh lời cao, có lợi thế trong việc làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ thì giá đất trong bảng giá đất của từng địa phương quy định phải bao gồm yếu tố có khả năng sinh lợi cao, có lợi thế vị trí đất (địa phương phải quy định mức giá đất trong bảng giá đất đối với trường hợp này cao hơn nhưng không quá 30% so với mức giá tối đa của cùng loại đất trong khung giá đất do Chính phủ quy định).

Khi quyết định giá đất cụ thể để cho thuê đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lời đặc biệt, có lợi thế trong việc làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ thì doanh nghiệp phải tính và nộp tiền thuê đất cho nhà nước theo đơn giá thuê đất tăng theo tỷ lệ tối đa không quá 30% của giá đất tính thu tiền thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (nhà nước thu tiền thuê đất tính trên đơn giá cho thuê cụ thể với mức giá cao hơn giá đất trong bảng giá đất của địa phương quy định đã bao gồm lợi thế vị trí đất).

Do đất thuê có lợi thế vị trí thì giá trị lợi thế đã tính ngay vào bảng giá đất và đơn giá thuê đất mà doanh nghiệp phải nộp nhà nước theo quyết định của địa phương, nếu tiếp tục tính vào giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại doanh nghiệp thuê đất nhà nước sẽ bị tính trùng hai lần giá trị lợi thế của một diện tích đất tại một vị trí. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ nguyên quy định về việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại doanh nghiệp khác tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP hiện nay, chỉ bổ sung việc xác định giá khởi điểm bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần (do theo quy định của pháp luật về đất đai thì doanh nghiệp sử dụng đất thuê trả tiền một lần có quyền, nghĩa vụ như đất giao có thu tiền sử dụng đất) và không tính đối với đất thuê trả tiền hàng năm.

Nội dung cụ thể quy định việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn của dự thảo Nghị định như đã nêu ở điểm 4, Mục III của Tờ trình.

1.2. Về kiến nghị bổ sung quy định về việc không góp vốn đầu tư vào lĩnh vực bất động sản bao gồm cả trường hợp không được góp vốn bằng giá trị thương quyền sử dụng đất (giá trị lợi thế quyền thuê đất Nhà nước). Đối với DNNN, nếu không có nhu cầu sử dụng đất thì trả lại đất cho Nhà nước, tránh tình trạng DNNN lách luật dưới hình thức thành lập liên doanh, liên kết hợp tác kinh doanh với đối tác, không bỏ tiền, tài sản nhưng đánh giá giá trị lợi thế quyền thuê đất để góp vốn rồi thực hiện thoái vốn cho đối tác, thực chất là chuyển nhượng đất thuê nhà nước.

- Tại Điều 28 Luật số 69/2014/QH13 quy định:

“1. Việc sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất của doanh nghiệp để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp”.

- Theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho doanh nghiệp được góp vốn liên doanh, liên kết bằng giá trị quyền sử dụng đất (gồm giá trị quyền sử dụng đất giao và thuê), chuyển nhượng quyền sử dụng đất (kể cả đất giao và đất thuê) do pháp luật về đất đai quy định.

- Vấn đề trả lại đất cho nhà nước khi doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng: Việc thu hồi đất của DNNN do pháp luật về đất đai quy định; ngoài ra để xử lý việc này từ nhiều năm nay các cơ quan nhà nước đang thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước (trong đó có nhà, đất của doanh nghiệp) theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Với lý do nêu trên, việc kiến nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP nội dung quy định về việc doanh nghiệp không góp vốn đầu tư vào lĩnh vực bất động sản bao gồm cả trường hợp không được góp vốn bằng giá trị thương quyền sử dụng đất (giá trị lợi thế quyền thuê đất Nhà nước) là chưa phù hợp với quy định của Luật số 69/2014/QH13, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp năm 2014, hạn chế hoạt động hợp pháp của doanh nghiệp nhất là khi doanh nghiệp đó hoạt động theo đúng ngành nghề kinh doanh bất động sản. Do vậy, về vấn đề này Bộ Tài chính trình Chính phủ không phải sửa đổi, bổ sung mà doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai (như đã quy định tại Điều 28 Luật số 69/2014/QH13 và Điều 21 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP).

2. Về kiến nghị bổ sung việc bán ưu đãi cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp khi Nhà nước thực hiện thoái vốn nhà nước tại công ty cổ phần (kiến nghị của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam theo Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 13/7/2016 của Văn phòng Chính phủ):

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật số 69/2014/QH13 thì:

(i) Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

(ii) Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện đấu giá công khai. Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh

tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận.

Như vậy, việc đề xuất các nội dung ưu đãi đối với người lao động khi thực hiện thoái vốn nhà nước tại công ty cổ phần như kiến nghị của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam là chưa phù hợp với quy định của Luật số 69/2014/QH13. Do đó, Bộ Tài chính không có cơ sở pháp lý để bổ sung quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP theo đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp cần thiết đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, đề xuất hình thức ưu đãi cụ thể đối với người lao động bảo đảm phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật hiện hành và không phát sinh mâu thuẫn giữa những người lao động, đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn nhà nước ở mức cao nhất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

V. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP VỀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

.....

.....

.....

VI. CÁC NỘI DUNG CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

.....

.....

.....

Trên đây là các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng CP, các Phó TTg;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCDN (15).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng